



QUAN NIỆM HIỆN ĐẠI VỀ HỌC TẬP

PGS. TS. NGUYỄN HỮU CHÍ
 Vụ Giáo dục, Ban Tuyên giáo Trung ương

Từ giữa thế kỉ XX, tâm lí học sư phạm của nhân loại thay vì tập trung nghiên cứu hoạt động dạy, đã chuyển sang tập trung nghiên cứu về hoạt động học. Những kết quả nghiên cứu đó có thể trình bày tóm lược bằng bảng hệ thống sau đây:

Sơ lược về các lí thuyết học tập:

	Lí thuyết hành vi (từ 1913)	Lí thuyết điều khiển (từ 1948)	Lí thuyết nhận thức (từ 1960)	Lí thuyết kiến tạo (1985)	Lí thuyết định hướng logic phát triển (đang hình thành)
Quan niệm về học tập	Thay đổi hành vi thông qua phản ứng đối với kích thích và rút ra quy luật	Xử lí thông tin	Tiếp nhận và xử lí thông tin một cách tích cực	Kiến tạo tri thức thông qua kinh nghiệm trong các tình huống phức hợp của cuộc sống	Phát triển năng lực thông qua giải quyết các nhiệm vụ và vấn đề từ các tình huống thực tiễn
Chức năng của việc học	Là "hộp đen", hành vi của nó có thể kiểm tra từ bên ngoài	Là hệ thống biến đổi thông tin	Học tích cực thông qua quá trình nhận thức trên cơ sở tri thức đã có	Các quá trình nhận thức kiến tạo tri thức và ý nghĩa thông qua giao tiếp liên tục	Học tích cực và gắn với quá trình lao động thông qua hoạt động thực tiễn, và phát triển liên tục các năng lực cá nhân
Nội dung chính của lí thuyết	Sự thay đổi hành vi (sự học) được thực hiện không thông qua quá trình bên trong con người mà trên cơ sở hệ quả tác động bên ngoài (thưởng, phạt)	Học là sự trao đổi thông tin giữa GV và hệ thống học. Việc thông báo thông tin được đặc biệt coi trọng. Thông tin càng phù hợp với người học thì kết quả học càng cao.	Học được thực hiện thông qua các quá trình tâm lí phức hợp và đòi hỏi việc tổ chức những quá trình học tập phù hợp với các quá trình nhận thức, tình cảm phức hợp đó.	Tri thức về ý nghĩa của thông tin đã lĩnh hội không phải là thông tin ghi nhớ máy móc, mà là tri thức trong hệ thống tổng thể được chủ thể kiến tạo. Hiện thực luôn được kiến tạo mang tính cá thể của người học.	Những thiếu hụt về kiến thức và năng lực sẽ được bổ sung thông qua việc giải quyết các nhiệm vụ hoặc vấn đề. Tri thức, kĩ năng và hành động lập thành một thể thống nhất. Tính mở của cấu trúc học nhằm phát triển năng lực toàn diện.
Chức năng phương tiện học tập	Kích thích nhằm gây phân xạ và rút ra hệ quả	Vật mang thông tin	Vật mang tri thức	Là công cụ để cấu trúc tri thức	Hỗ trợ quá trình làm việc và giải quyết vấn đề nhằm hình thành những cấu trúc liên hệ với lĩnh vực liên quan.
Hạn chế	Xem nhẹ ý thức và nhận thức của con người với tư cách là chủ thể nhận thức	Giới hạn việc học vào quá trình truyền thụ tri thức mang tính kĩ thuật.	Giới hạn hành động của con người vào phương diện nhận thức	Đòi hỏi năng lực tự học cao. Vai trò của GV thay đổi, có phần bị giảm ý nghĩa	Đòi hỏi năng lực tự học cao. Việc gắn với quá trình lao động có thể làm cản trở đào tạo hệ thống.
Ứng dụng	Dạy học chương trình hoá (từ 1960)	Dạy học chương trình hoá. Dạy học Angorit	Học khám phá, các hệ thống dạy học thông minh (từ 1985)	Dạy học định hướng hành động, dạy học kiến tạo, dạy học mô phỏng (từ 1990)	Dạy học định hướng hành động, dạy học theo tình huống.

Những nghiên cứu về tâm lí học học tập tuy khác nhau nhiều về chi tiết nhưng gần như hoàn toàn nhất trí *những quan niệm mới về học tập*:

a. *Học là một quá trình chủ động và kiến tạo*

Việc học tập có tạo sinh, có hiệu quả, hiểu biết là một quá trình chủ động và kiến tạo, phụ thuộc vào cơ sở tri thức vốn có của cá nhân và vào những tầm hiểu biết được đem lại qua đó. Như vậy, theo

cách nhìn này, học tập là sự đối lập với thông tin được truyền đạt từ bên ngoài, được tiếp thu thụ động và xử lý một cách máy móc, điều sẽ dẫn tới một sự hiểu biết trì trệ, ít khả năng chuyển tải và không thể sử dụng một cách linh hoạt.

(b) Việc học tập được hoàn cảnh hoá và tình huống hoá

Học tập sẽ và có tác động hiệu quả hơn, nếu cá nhân có cơ hội, coi tri thức cần tiếp thu và các vấn đề phải giải quyết như là những bộ phận của một *hoàn cảnh có ý nghĩa chủ quan*. Qua đó, ngay trong khi học, nghĩa là khi thể hiện về trí óc điều cần học, cũng đã diễn ra những sự quy gán ý nghĩa cho các hiện tượng trong cuộc sống đời thường. Giờ học đề án và tiếp thu tri thức thông qua tham gia có hướng dẫn (thời gian học nghề) là những kiểu giảng dạy đặc biệt phù hợp với việc đó (Clancey, 1993; Collins, Brown & Newman, 1989; Greeno, Smith & Moore, 1993). Vì những lí thuyết về những sự nhận thức tình huống hoá và việc học tập được hoàn cảnh hoá một phần được hình thành như là các quan điểm đối lập với sự nhận thức truyền thống trước đây về tri thức như là một hệ thống khép kín của các biểu đạt tượng trưng, cho nên ở cả hai quan niệm đều có những sự phiến diện lí luận có thể nhận ra, gây khó khăn cho việc sử dụng thực tế hai mô hình này. Điều đó được thể hiện một cách hấp dẫn bởi Norman (1993) trong một sự cường điệu đầy tính châm biếm: “Những đề xướng về hành động được tình huống hoá ít ra là trong tranh biếm họa-có khuynh hướng nhấn mạnh tầm quan trọng của những ảnh hưởng lịch sử, những sự tương tác xã hội, văn hoá và môi trường và giảm bớt tầm quan trọng của những nhận thức nội tại. Những đề xuất của cách tiếp cận tượng trưng truyền thống-ít ra là trong tranh biếm họa-có xu thế hạ thấp tầm quan trọng của những yếu tố bên ngoài xã hội và lịch sử này và nhấn mạnh vai trò của những nhận thức nội tại” (Norman, 1993, tr.3 và tiếp theo).

(c) Việc học tập có động cơ nội tại

Việc học tập có động cơ thúc đẩy từ bên trong, sự quan tâm, hứng thú với các nội dung học tập và sự kích thích bởi các tiến bộ học tập tự cảm nhận được sẽ làm tăng thêm nhiệt tình chủ quan cũng như thành quả khách quan trong việc tiếp thu và xử lý thông tin mới. (DeCharms, 1968; Cervone, 1993). Tuy nhiên, quan điểm lí luận sắc bén này không được sự hỗ trợ vô điều kiện

của các kết quả nghiệm chứng hiện có.

(d) Việc học tập được tự tổ chức và tự kiểm tra

Theo cách hiểu giảng dạy truyền thống thì người thầy chủ yếu là chủ động và học sinh thì bị động hơn. Trái lại, hiện nay, việc học tập tự khởi xướng, tự điều khiển, tự kiểm tra và tự chịu trách nhiệm được quy cho một chức năng đặc biệt quan trọng đối với thành quả học tập có khả năng sử dụng lâu dài và linh hoạt (xem Zimmerman, 1990). Tuy nhiên, theo các quan điểm tâm lí học sư phạm, cần phải cân nhắc một điều là việc học tập tự lập, đặc biệt ở tuổi trẻ em, luôn luôn phải là tiền đề, điều kiện, phương tiện và mục tiêu của việc giảng dạy (Weinert, 1982, Paris & Newman, 1990).

Không thể nghi ngờ rằng những đặc điểm kiến tạo được quy cho người học và việc học tập có hiệu quả đã được lí giải tốt về mặt khoa học. Nhưng trong những tài liệu tương ứng ta thấy có nhiều nội dung khái quát hoá kinh nghiệm thái quá và chủ nghĩa lí luận thuần tuý nào đó, những điều không phục vụ cho việc vận dụng vào thực tiễn các lí thuyết học tập mới.

Theo quan niệm hiện đại về dạy học, dạy là quá trình tổ chức, điều khiển, hướng dẫn, đánh giá, động viên,... làm cho các hoạt động học tập trở nên phong phú, linh hoạt, đa dạng, tích cực, chủ động, giàu tính hợp tác...

CÁC DẠNG HOẠT ĐỘNG:

- Trả lời câu hỏi;
- Điền từ, điền bảng, điền hình câm;
- Vẽ sơ đồ, lược đồ, đồ thị...;
- Lập bảng biểu;
- Làm thí nghiệm, lí giải và thông báo kết quả;
- Thảo luận và tranh cãi;
- Giải bài toán nhận thức, bài tập tình huống;
- Thể hiện các mối quan hệ bằng gạch nối, mũi tên...;
- Nghiên cứu các trường hợp điển hình, v.v...

CÁC HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG:

- Cá nhân;
- Cặp hai người (nhóm rì rầm);
- Nhóm 4-6 người (hợp tác trong nhóm nhỏ):
 - + Xây “Kim tự tháp”;
 - + “Bể cá”;
 - + Làm việc cả lớp;



- + Trò chơi;
- + Sắm vai;
- + Mô phỏng;
- v.v...

Rõ ràng, khoa học giáo dục đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc nghiên cứu về học tập và các hoạt động học tập, cần phải thay thế quan niệm cổ truyền cho rằng học tập là quá trình tiếp thu, tái hiện, chủ yếu ghi nhớ. Chính quan niệm mới nói trên về học tập là một cơ sở cho những cuộc cải cách giáo dục trên thế giới từ giữa thế kỉ XX đến nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. J. M. Banner, Jr. & H. C. Cannon, *Những*

yếu tố quyết định thành công trong học tập, NXB Văn hóa Sài Gòn, 2009.

2. *Các khái niệm cơ bản về giáo dục học*, Stuttgart, 1995, t2, tr.1538-1544 (tiếng Đức)

3. *Từ điển giáo dục học*, Berlin 1987, tr.387.

4. F.E.Weinert (chủ biên), *Sự phát triển nhận thức học tập và giảng dạy*, NXB Giáo dục, H. 1998 (tiếng Đức).

SUMMARY

The article presents some new ideas about learning, namely: learning as an active and constructive process; learning needs an internal motive; self-organized and self-controlled learning.

Phác thảo mô hình...

(Tiếp theo trang 9)

hợp trong môi trường giáo dục và xã hội.

- Có năng lực hoạt động xã hội: Có hiểu biết chung về tình hình kinh tế- xã hội của đất nước và địa phương nơi cư trú, có kĩ năng tham gia và tổ chức các hoạt động xã hội ở trong trường và cộng đồng.

- Có năng lực tự học và nghiên cứu khoa học: Có phương pháp và kĩ năng tự học phù hợp với đặc điểm của bản thân, biết cách tiến hành nghiên cứu các đề tài khoa học phục vụ cho công tác giáo dục, phát triển năng lực nghề nghiệp.

- **Cơ sở vật chất - thiết bị dạy học:** Có đủ không gian sư phạm với cơ sở hạ tầng phù hợp đảm bảo cho việc thực hiện có hiệu quả giáo dục toàn diện.

Có đủ thiết bị dạy học có chất lượng và các phương tiện kĩ thuật khác để thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục theo hướng phát triển các năng lực ở HS và chăm sóc sức khỏe HS.

- **Môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh:** Cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn. Nhà trường có mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương và cộng đồng, huy động được các nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục của nhà trường. Xây dựng bầu không khí dân chủ, thân thiện, hợp tác trong mối quan hệ giữa GV với GV, giữa GV với lãnh đạo nhà trường, giữa GV với HS, giữa HS với nhau và giữa GV, nhà trường với cha mẹ HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài KHCN cấp Nhà nước, Mã số ĐTĐL-2004/23, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, Hà Nội, 9/2007.

2. *Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng, Hà Nội, 9/2010.

3. Phạm Minh Hạc (chủ biên), *Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực thời kì CNH, HĐH đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007.

4. Phạm Minh Hạc, Trần Kiều, Đặng Bá Lãm, Nghiêm Đình Vi (chủ biên), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI-* (Sách tham khảo), NXB Chính trị Quốc gia, 2002.

5. Vũ Trọng Rỹ, Báo cáo tổng kết đề tài cấp bộ “*Định hướng phát triển giáo dục Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*” (mã số B2007- CTGD-01), Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2009.

SUMMARY

Sketches of the school model in 10-15 years based on the concept of school in industrialization, modernization and globalization age; education for learner's development as a rule; school shall realize the mission of school education in the new period, meeting the developmental needs by children and socioeconomic development. The school in 10-15 years is an open school, linked to the family and community; conducting all-rounded education; ensuring democracy, cooperation is the influencing factor to all school activities.